

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
MÃ SỐ THUẾ: 0310745210**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

TP.Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2016

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 526.496.264.991 | 722.882.531.254 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 59.598.202.069 | 248.273.167.947 |
| 1. Tiền | 111 | | 50.492.278.054 | 28.195.963.093 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 9.105.924.015 | 220.077.204.854 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 74.375.354.043 | 127.509.168.380 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 11.957.748.143 | 11.957.748.143 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (7.545.377.433) | (7.545.377.433) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 69.962.983.333 | 123.096.797.670 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 217.103.350.212 | 179.160.711.103 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 173.274.517.649 | 154.326.235.528 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 16.435.207.956 | 6.706.619.310 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 31.909.570.788 | 17.107.607.008 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (17.613.120.282) | (12.076.924.844) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.7 | 13.097.174.101 | 13.097.174.101 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 162.818.947.789 | 152.659.054.602 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 176.091.523.379 | 169.092.210.756 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (13.272.575.590) | (16.433.156.154) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12.600.410.878 | 15.280.429.222 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 1.202.065.299 | 254.764.259 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 2.577.590.386 | 5.468.553.068 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 8.820.755.193 | 9.557.111.895 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.945.826.225.783 | 1.145.541.996.986 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.062.649.952 | 1.038.753.600 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.062.649.952 | 1.038.753.600 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 119.578.716.491 | 125.982.234.938 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 89.591.970.352 | 96.796.198.605 |
| - Nguyên giá | 222 | | 316.958.496.693 | 318.764.137.570 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (227.366.526.341) | (221.967.938.965) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 29.986.746.139 | 29.186.036.333 |
| - Nguyên giá | 228 | | 34.016.493.125 | 32.408.515.512 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.029.746.986) | (3.222.479.179) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 564.032.814.378 | 1.603.403.921 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 564.032.814.378 | 1.603.403.921 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1.252.491.312.545 | 1.007.438.520.953 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 1.123.381.913.411 | 877.524.626.345 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2d | 138.356.750.401 | 138.356.750.401 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2e | (12.146.871.267) | (11.162.855.793) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2b | 2.899.520.000 | 2.720.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 8.660.732.417 | 9.479.083.574 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 1.226.236.244 | 2.044.587.401 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 7.434.496.173 | 7.434.496.173 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.472.322.490.774 | 1.868.424.528.240 |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 647.117.575.318 | 284.798.152.896 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 630.171.313.918 | 276.697.749.896 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 29.527.024.343 | 20.109.560.975 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 59.777.978.074 | 12.784.379.903 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 18.982.533.987 | 15.415.045.412 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 23.169.138.768 | 21.239.612.475 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 32.737.953.927 | 29.801.507.415 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.19 | 1.751.039.149 | 827.168.668 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.20a | 16.456.243.844 | 77.911.527.330 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.21a | 445.055.308.622 | 97.532.165.687 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.22 | 2.714.093.204 | 1.076.782.031 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 16.946.261.400 | 8.100.403.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.20b | 16.946.261.400 | 8.100.403.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.825.204.915.456 | 1.583.626.375.344 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.825.204.915.456 | 1.583.626.375.344 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.23 | 1.250.000.000.000 | 1.250.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.250.000.000.000 | 1.250.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | V.23 | 195.308.236 | 195.308.236 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.23 | (95.950.000) | (50.500.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | V.23 | (4.915.463.760) | (4.915.463.760) |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.23 | 13.022.505.423 | 11.259.910.872 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.23 | 463.335.429.708 | 218.900.357.956 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 212.256.044.786 | 218.900.357.956 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 251.079.384.922 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.24 | 103.663.085.849 | 108.236.762.040 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.472.322.490.774 | 1.868.424.528.240 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2016


 Võ Thị Hiền
 Người lập biểu


 Bùi Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng


 Trần Tấn Tâm
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.135.113.416.641 | 1.241.953.576.870 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 138.089.673 | 7.059.151.482 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.134.975.326.968 | 1.234.894.425.388 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 1.051.698.643.611 | 1.138.316.611.457 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 83.276.683.357 | 96.577.813.931 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 17.275.908.256 | 56.835.068.100 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 13.122.700.202 | 15.147.380.184 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 11.524.648.135 | 9.353.505.744 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2c | 257.080.064.931 | 8.586.609.928 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 33.742.259.543 | 32.188.752.383 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 52.897.531.205 | 55.023.107.422 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 257.870.165.594 | 59.640.251.970 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 1.943.831.103 | 2.652.245.171 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 3.629.180.710 | 1.212.955.685 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (1.685.349.607) | 1.439.289.486 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 256.184.815.987 | 61.079.541.456 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 1.599.825.111 | 2.281.606.174 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | 23.120.322.931 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 254.584.990.876 | 35.677.612.351 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cộng ty mẹ | 61 | | 251.079.384.922 | 29.691.386.727 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 3.505.605.954 | 5.986.225.624 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.999 | |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | 1.999 | |


 Võ Thị Hiền
 Người lập biểu


 Bùi Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2016




 Trần Tấn Tâm
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|---------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 256.184.815.987 | 61.079.541.456 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.10; V.11 | 10.033.801.448 | 15.182.310.566 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.2; V.6; | 3.359.630.348 | (2.347.125.511) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | - | (898.546) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (271.237.063.158) | (59.679.223.431) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 11.524.648.135 | 9.353.505.744 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 9.865.832.760 | 23.588.110.278 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 50.043.549.136 | 45.217.250.994 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 9.139.391.844 | 87.169.086.424 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (63.831.408.736) | 30.436.731.437 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (17.808.526) | 379.157.724 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.18; VI.5 | (8.463.436.129) | (8.380.425.886) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (1.619.619.066) | (5.953.107.461) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 3.762.693.591 | 125.206.909 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.22; VII | (69.557.873.697) | (638.089.738.971) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (74.678.678.823) | (465.507.728.552) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10; V.11; V.12 | (565.491.465.145) | (2.618.782.465) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 246.071.454 | 8.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (59.198.045.109) | (9.097.404.199) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 100.376.089.446 | 2.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | 8.971.931.600 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 8.632.729.880 | 1.300.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5; VI.4 | 22.668.078.423 | 56.297.006.139 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (492.766.541.051) | 56.860.751.075 |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | V.23 | (45.450.000) | (50.500.000) |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.21 | 1.080.934.992.500 | 780.565.343.912 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.21 | (699.472.281.823) | (919.827.059.234) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.20; V.23 | (6.647.006.681) | (9.779.814.609) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 374.770.253.996 | (149.092.029.931) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (188.674.965.878) | (557.739.007.408) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 248.273.167.947 | 843.161.787.838 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | 898.546 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 59.598.202.069 | 285.423.678.976 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2016



Vũ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Nuôi trồng thủy sản (cá tầm thương phẩm) tiêu thụ nội địa; Dịch vụ, thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Lãi hoạt động kinh doanh kỳ này chủ yếu là từ lãi trong công ty liên doanh, liên kết.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|---|--|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội | Số 20 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, | Chế biến thực phẩm | 59,34% | 59,34% | 59,34% | 59,34% |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn | Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. | Chế biến thực phẩm | 50,78% | 50,78% | 50,78% | 50,78% |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam | Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng. | Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy | 62,37% | 62,37% | 62,37% | 62,37% |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|--|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản | Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh. | Thiết kế, đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh máy móc thiết bị | 46,36% | 46,36% | 46,36% | 46,36% |
| Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè | Số 16/8B Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh. | Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy | 26,01% | 26,01% | 26,01% | 26,01% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long | Số 8 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội. | Nuôi trồng thủy sản | 20,00% | 20,00% | 20,00% | 20,00% |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 | Số 100/26 Bình Thới, phường 14, quận 11, TP. Hồ Chí Minh. | Chế biến thủy sản | 24,90% | 24,90% | 24,90% | 24,90% |
| Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long | Số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng. | Chế biến thủy sản | 27,75% | 27,75% | 27,75% | 27,75% |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 | Số 320 Hưng Phú, phường 09, quận 08, TP. Hồ Chí Minh. | Chế biến thủy sản | 26,90% | 26,90% | 26,90% | 26,90% |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung | Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. | Chế biến thủy sản | 36,40% | 43,68% | 36,40% | 43,68% |
| Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco | Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai. | Sản xuất thức ăn gia súc | 22,08% | 22,08% | 22,08% | 22,08% |

6d. Công ty liên doanh không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga, địa chỉ trụ sở chính tại đường Trần Nỗ, phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh với tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết là 50% đã hết thời hạn Hợp đồng liên doanh và Giấy phép đầu tư từ năm 2006 nên không đưa vào hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê kho, thuê mặt hồ, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản; không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 30 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 02- 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính. Giá trị tài sản được xác định lại do cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Tập đoàn tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 1.766.474.501 | 717.092.924 |
| Tiền gửi ngân hàng | 48.725.803.553 | 27.478.870.169 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 9.105.924.015 | 220.077.204.854 |
| Cộng | 59.598.202.069 | 248.273.167.947 |

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 1.764.561.415 VND (số đầu năm là 0 VND) bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 9.700.360.000 | 2.154.982.567 | (7.545.377.433) | 9.700.360.000 | 2.154.982.567 | (7.545.377.433) |
| Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam | 2.257.388.143 | 3.458.347.200 | - | 2.257.388.143 | 3.458.347.200 | - |
| Cộng | 11.957.748.143 | 5.613.329.767 | (7.545.377.433) | 11.957.748.143 | 5.613.329.767 | (7.545.377.433) |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 69.962.983.333 | 69.962.983.333 | 123.096.797.670 | 123.096.797.670 |
| Dài hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 2.899.520.000 | 2.899.520.000 | 2.720.000.000 | 2.720.000.000 |
| Cộng | 72.862.503.333 | 72.862.503.333 | 125.816.797.670 | 125.816.797.670 |

Tập đoàn cầm cố tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng với tổng số tiền là 60.212.983.333 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (số đầu năm là 28.562.983.333 VND).

Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền gửi này bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

| | Giá gốc | Số cuối kỳ | | Giá gốc | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| | | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng |
| Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga | 4.994.824.935 | - | 4.994.824.935 | 4.994.824.935 | - | 4.994.824.935 |
| Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè | 1.300.500.000 | 1.654.613.040 | 2.955.113.040 | 1.300.500.000 | 1.784.663.040 | 3.085.163.040 |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 | 6.930.000.000 | 3.089.985.798 | 10.019.985.798 | 6.930.000.000 | 3.175.747.739 | 10.105.747.739 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản | 19.470.000.000 | (19.470.000.000) | - | 19.470.000.000 | (19.470.000.000) | - |
| Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long | 13.873.600.000 | 17.874.788.914 | 31.748.388.914 | 13.873.600.000 | 19.665.057.669 | 33.538.657.669 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long | 6.400.000.000 | 774.669.083 | 7.174.669.083 | 6.400.000.000 | 890.861.090 | 7.290.861.090 |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 | 43.470.000.000 | 30.047.890.596 | 73.517.890.596 | 43.470.000.000 | 31.492.293.497 | 74.962.293.497 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung | 43.675.380.000 | 9.269.683.768 | 52.945.063.768 | 43.675.380.000 | 9.477.005.167 | 53.152.385.167 |
| Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco | 546.897.499.662 | 393.128.477.615 | 940.025.977.277 | 546.897.499.662 | 143.497.193.546 | 690.394.693.208 |
| Cộng | 687.011.804.597 | 436.370.108.814 | 1.123.381.913.411 | 687.011.804.597 | 190.512.821.748 | 877.524.626.345 |

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga tạm thời ngưng hoạt động. Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502276504, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 31 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐHT-TSVN-NK ngày 05 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Cỏ May 15.000.000.000 VND tương đương 25% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (nay là Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tập đoàn chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tập đoàn quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung | | |
| <i>Nhận cổ tức</i> | 3.494.030.400 | 4.374.030.400 |
| Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè | | |
| <i>Nhận cổ tức</i> | 130.050.000 | 104.040.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long | | |
| <i>Nhận cổ tức</i> | 234.200.000 | 256.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 | | |
| <i>Nhận cổ tức</i> | 2.608.200.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long | | |
| <i>Nhận cổ tức</i> | 2.081.040.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 | | |
| <i>Nhận cổ tức</i> | 554.400.000 | - |
| Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco | | |
| <i>Nhận cổ tức</i> | - | 6.989.011.600 |

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng 22.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh | 53.249.400.000 | - | 53.249.400.000 | (8.407.800.000) |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải | 26.220.102.358 | - | 26.220.102.358 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy đặc sản | 23.144.531.354 | (9.271.237.750) | 23.144.531.354 | (220.877.579) |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu | 22.522.500.000 | - | 22.522.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật công trình Việt Nam | 6.505.488.945 | - | 6.505.488.945 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển nhà | 2.000.000.000 | (2.000.000.000) | 2.000.000.000 | (2.000.000.000) |
| Công ty Cổ phần Thiết bị hàng hải - Mecom | 1.307.080.395 | - | 1.307.080.395 | - |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản | 1.254.969.616 | - | 1.254.969.616 | - |
| Công ty Cổ phần Vật tư thủy sản Việt Nam | 995.940.542 | (79.178.214) | 995.940.542 | (79.178.214) |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ | 553.333.272 | (341.455.303) | 553.333.272 | - |
| Công ty Cổ phần Biên Tây | 455.000.000 | (455.000.000) | 455.000.000 | (455.000.000) |
| Công ty Cổ phần Bao bì thủy sản | 148.403.919 | - | 148.403.919 | - |
| Cộng | 138.356.750.401 | (12.146.871.267) | 138.356.750.401 | (11.162.855.793) |

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | |
|----------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 11.162.855.793 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 9.391.815.474 |
| Hoàn nhập dự phòng | (8.407.800.000) |
| Số cuối kỳ | 12.146.871.267 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Tuấn Võ | 30.071.034.616 | 62.394.262.831 |
| Công ty TNHH TM Hà Đô | 30.898.341.222 | 45.283.743.391 |
| Công ty Cổ phần Thép Vạn Thành | 24.402.790.245 | - |
| Binca Seafoods | 14.661.230.870 | 7.672.517.950 |
| Công ty CP Nova Bắc Nam 79 Bischoberger | 7.000.000.000 | - |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|------------------------|------------------------|
| | 7.828.819.740 | |
| Truong Vinh AG | 8.153.475.280 | |
| Các khách hàng khác | 50.258.825.676 | 38.975.711.356 |
| Cộng | 173.274.517.649 | 154.326.235.528 |

Một số công nợ phải thu có tổng giá trị ghi sổ là 50 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | | |
| Công ty TNHH Thương mại Hải Hoà Phát | 610.830.342 | 610.830.342 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Cơ điện và Xây dựng Đông Dương | 1.357.918.425 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Quỳnh | - | 1.118.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 14.466.459.189 | 4.977.788.968 |
| Cộng | 16.435.207.956 | 6.706.619.310 |

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 5.216.282.741 | (1.923.632.741) | 2.736.632.741 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản - Phải thu tiền cho vay và lãi cho vay | 1.923.632.741 | (1.923.632.741) | 2.043.632.741 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 554.400.000 | - | 693.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 2.608.200.000 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 130.050.000 | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 19.375.480.069 | (1.959.212.248) | 14.370.974.267 | (70.000.000) |
| Tiền lãi dự thu | 107.861.111 | - | 3.067.747.756 | - |
| DNTN Thương mại Tân Vạn Phát - Phải thu tiền lãi | 1.521.188.795 | (1.521.188.795) | 1.521.188.795 | - |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 510.720.000 | - | 510.720.000 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng - Phải thu khoản tiền thanh lý khi kết thúc hợp đồng hợp tác liên doanh | 525.747.790 | (368.023.453) | 525.747.790 | - |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo | 267.561.978 | - | 289.081.321 | - |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| hiếm thất nghiệp | | | | |
| Tạm ứng | 308.438.001 | - | 634.860.865 | - |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 19.345.766.317 | - | 4.774.128.700 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 4.354.406.311 | (70.000.000) | 3.047.499.040 | (70.000.000) |
| Cộng | 31.909.570.788 | (3.882.844.989) | 17.107.607.008 | (70.000.000) |

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|----------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Bình Minh | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | <i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i> | 230.000.000 | 115.000.000 | <i>Từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i> | 240.000.000 | 168.000.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng | | | | | | |
| <i>Phải thu khác</i> | <i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i> | 525.747.790 | 157.724.337 | <i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i> | 525.747.790 | 262.873.895 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản | | | | | | |
| <i>Phải thu khác</i> | <i>Trên 03 năm</i> | 1.923.632.741 | - | <i>Trên 03 năm</i> | 2.043.632.741 | 2.043.632.741 |
| DNTN Thương mại Tân Vạn Phát | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | <i>Trên 03 năm</i> | 1.943.224.344 | - | <i>Trên 03 năm</i> | 2.732.870.941 | 2.732.870.941 |
| <i>Phải thu khác</i> | <i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i> | 1.521.188.795 | - | <i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i> | 1.521.188.795 | 1.521.188.795 |
| Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thái Sơn | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền hàng gửi kho bị mất</i> | <i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i> | 13.097.174.101 | 4.199.967.000 | <i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i> | 13.097.174.101 | 4.199.967.000 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | 3.110.633.442 | 265.789.594 | | 3.110.633.442 | 265.789.594 |
| Cộng | | 22.351.601.213 | 4.738.480.931 | | 23.271.247.810 | 11.194.322.966 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | |
|----------------------------|----------------|
| Số đầu năm | 12.076.924.844 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 5.776.195.438 |
| Hoàn nhập dự phòng | (240.000.000) |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Số cuối kỳ****17.613.120.282****7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Giá trị lô thép bị chiếm dụng. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến theo hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HĐGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Tập đoàn mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thái Sơn theo Hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Tập đoàn mới trích lập được một phần dự phòng tổn thất cho lô thép này. (Xem thuyết minh số V.6).

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | - | - | - | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.929.941.067 | (91.435.818) | 4.400.196.811 | (91.435.818) |
| Công cụ, dụng cụ | 3.743.381.853 | - | 2.640.036.946 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 48.278.867.724 | - | 18.103.670.961 | - |
| Thành phẩm | 96.840.612.021 | (7.301.944.159) | 97.288.604.896 | (10.462.524.723) |
| Hàng hóa | 21.262.440.672 | (5.879.195.613) | 45.427.020.821 | (5.879.195.613) |
| Hàng gửi đi bán | 1.036.280.042 | - | 1.232.680.321 | - |
| Cộng | 176.091.523.379 | (13.272.575.590) | 169.092.210.756 | (16.433.156.154) |

Một số hàng tồn kho đã được đảm bảo thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 30.914.390 | 71.841.814 |
| Thuê nhà kho, mặt hồ | - | 74.700.000 |
| Chi phí sửa chữa | 163.508.251 | 4.480.000 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.007.642.658 | 103.742.445 |
| Cộng | 1.202.065.299 | 254.764.259 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 126.678.565 | 603.365.171 |
| Chi phí sửa chữa | 269.090.098 | 1.299.201.681 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 830.467.581 | 142.020.549 |
| Cộng | 1.226.236.244 | 2.044.587.401 |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 203.799.442.389 | 91.018.897.812 | 22.723.128.562 | 1.222.668.807 | 318.764.137.570 |
| Mua trong kỳ | 55.660.627 | 974.289.091 | - | - | 1.029.949.718 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 1.224.127.357 | - | - | - | 1.224.127.357 |
| Thanh lý, nhượng bán | (2.045.234.000) | (580.156.495) | (1.434.327.457) | - | (4.059.717.952) |
| Số cuối kỳ | 203.033.996.373 | 91.413.030.408 | 21.288.801.105 | 1.222.668.807 | 316.958.496.693 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 26.295.955.976 | 56.222.155.534 | 10.669.309.896 | 703.616.440 | 93.891.037.846 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 125.865.747.015 | 76.418.269.905 | 18.674.146.316 | 1.009.775.729 | 221.967.938.965 |
| Khấu hao trong kỳ | 5.541.452.178 | 2.629.798.511 | 1.012.911.310 | 76.037.754 | 9.260.199.753 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.906.156.207) | (580.156.495) | (1.375.299.675) | - | (3.861.612.377) |
| Số cuối kỳ | 129.501.042.986 | 78.467.911.921 | 18.311.757.951 | 1.085.813.483 | 227.366.526.341 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 77.933.695.374 | 14.600.627.907 | 4.048.982.246 | 212.893.078 | 96.796.198.605 |
| Số cuối kỳ | 73.532.953.387 | 12.945.118.487 | 2.977.043.154 | 136.855.324 | 89.591.970.352 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.524.851.611 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|--|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 31.087.254.631 | 1.321.260.881 | 32.408.515.512 |
| Mua trong kỳ | 1.607.977.613 | - | 1.607.977.613 |
| Số cuối kỳ | 32.695.232.244 | 1.321.260.881 | 34.016.493.125 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 105.343.236 | 239.026.800 | 344.370.036 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2.540.004.487 | 682.474.692 | 3.222.479.179 |
| Khấu hao trong kỳ | 682.087.662 | 125.180.145 | 807.267.807 |
| Số cuối kỳ | 3.222.092.149 | 807.654.837 | 4.029.746.986 |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|------------------------------|---|-----------------------|
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 28.547.250.144 | 638.786.189 | 29.186.036.333 |
| Số cuối kỳ | 29.473.140.095 | 513.606.044 | 29.986.746.139 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.736.932.121 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển giảm khác</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|----------------------|---------------------------------------|---|---------------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 6.404.000 | 1.584.631.613 | (1.591.035.613) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 1.573.896.871 | 563.301.923.098 | (856.415.591) | - | 564.019.404.378 |
| - <i>Quyền sử dụng đất (*)</i> | - | 560.823.825.451 | - | - | 560.823.825.451 |
| - <i>Công trình lồng bè</i> | - | 1.340.223.638 | - | - | 1.340.223.638 |
| - <i>Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu.</i> | 229.453.856 | - | - | - | 229.453.856 |
| - <i>Dự án số 02 Ngõ Gia Tự, Hà Nội</i> | 109.694.182 | - | - | - | 109.694.182 |
| - <i>Công trình xây dựng Nhà máy Thủy sản tại Đầm Cùmg</i> | 681.248.162 | - | - | - | 681.248.162 |
| - <i>Công trình xây dựng đường vào Công ty</i> | 185.135.950 | 68.514.000 | - | - | 253.649.950 |
| - <i>Công trình xây dựng kho vật tư</i> | 102.522.182 | 640.556.028 | (743.078.210) | - | - |
| - <i>Hệ xe triển 6500 tấn vật cách</i> | 265.842.539 | - | - | - | 265.842.539 |
| - <i>Công trình khác</i> | - | 428.803.981 | (113.337.381) | - | 315.466.600 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 23.103.050 | 144.860.000 | - | (154.553.050) | 13.410.000 |
| Cộng | 1.603.403.921 | 565.031.414.711 | (2.447.451.204) | (154.553.050) | 564.032.814.378 |

(*) Tiền mua quyền sử dụng đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn đang làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22%.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | | |
| Công ty TNHH Công nghệ Thông tin An Phát | - | 2.384.167.500 |
| Công ty TNHH Liên | 2.068.987.670 | 159.594.764 |
| LG International PTE | - | 4.401.024.935 |
| ITOCHU Corporation | - | 3.963.072.960 |
| Công ty TNHH MTV Mai Linh NH | 2.275.196.398 | 821.166.955 |
| Công ty TNHH Gia Huy Năm Căn | 2.409.158.160 | - |
| Công ty TNHH máy xây dựng và thương mại Việt Nhật | 357.200.000 | - |
| Công ty CP SX-KD Thép Thắng Lợi | 5.977.658.616 | |
| DNTN Thanh An | 2.449.754.820 | |
| Các nhà cung cấp khác | 13.989.068.679 | 8.380.533.861 |
| Cộng | <u>29.527.024.343</u> | <u>20.109.560.975</u> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | | |
| Ông Hoàng Tứ | - | 1.680.374.700 |
| Công ty TNHH công nghiệp thương mại Thái Sơn | 4.199.967.000 | 4.199.967.000 |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | 13.133.115.000 | - |
| Ông Hồ Văn Hoàn | 13.133.115.000 | - |
| Ông Nguyễn Hữu Nam | 13.133.115.000 | - |
| Công ty TNHH vận tải thủy bộ Hải Hà | 3.512.053.819 | 2.928.853.819 |
| Công ty TNHH Vạn lợi | 646.966.125 | - |
| Primex International Trading Corporation | - | 1.434.438.720 |
| Ông Nguyễn Văn Lòng | 4.069.748.000 | |
| Ông Trần Văn Sinh | 4.844.444.000 | |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Sự | 2.694.088.250 | |
| Các khách hàng khác | 411.365.880 | 2.540.745.664 |
| Cộng | <u>59.777.978.074</u> | <u>12.784.379.903</u> |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | <u>Số cuối kỳ</u> | |
|----------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 317.419.139 | 94.329.079 | 2.199.942.363 | (2.110.829.195) | 312.203.228 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 24.095.189.607 | (24.095.189.607) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | - | - | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.140.341.000 | 9.446.391.656 | 2.237.794.204 | (1.619.619.066) | 1.120.547.045 | 8.808.422.563 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 184.691.492 | 16.391.160 | 1.974.415.886 | (1.742.759.279) | 416.348.099 | 12.332.630 |
| Tiền thuê đất | 12.272.010.189 | - | 9.307.083.025 | (5.971.927.693) | 15.607.165.521 | - |
| Thuế nhà đất | - | - | 50.317.497 | (30.356.257) | 19.961.240 | - |
| Thuế tài nguyên | 1.875.860 | - | 32.673.580 | (29.353.496) | 5.195.944 | - |
| Các loại thuế khác | 1.498.707.732 | - | 237.495.415 | (235.090.237) | 1.501.112.910 | - |
| Cộng | <u>15.415.045.412</u> | <u>9.557.111.895</u> | <u>40.134.911.577</u> | <u>(35.835.124.830)</u> | <u>18.982.533.987</u> | <u>8.820.755.193</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--|-------------------------------|
| - Bán cá tầm | Không chịu thuế |
| - Đóng tàu cá | Không chịu thuế |
| - Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm tôm tiêu thụ nội địa | Không phải kê khai, tính thuế |
| - Hàng xuất khẩu | 0% |
| - Đóng tàu sông | 10% |
| - Bán dầu nhờn trong nước | 10% |
| - Cho thuê địa điểm | 10% |
| - Hàng hóa tiêu thụ nội địa và dịch vụ khác | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các công ty còn lại trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000614 ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tập đoàn được miễn tiền thuê đất trong 11 năm đối với diện tích mặt nước thuê để nuôi cá tầm thương phẩm và diện tích đất thuê để sử dụng vào mục đích khác.

Tiền thuê đất khác được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Tiền thuê đất | 24.799.714.897 | 24.280.347.217 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 5.351.460.221 | 1.607.003.728 |
| Chi phí đóng tàu | 143.000.000 | 2.609.370.400 |
| Chi phí người đại diện vốn | - | 128.528.846 |
| Chi phí tư vấn và hoa hồng | 917.679.431 | 231.538.338 |
| Chi phí dự án tôm sinh thái | 683.551.035 | 304.260.970 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 842.548.343 | 640.457.916 |
| Cộng | <u>32.737.953.927</u> | <u>29.801.507.415</u> |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Tiền trả trước về cho thuê mặt bằng, kho chứa hàng.

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 230.786.681 | 306.291.731 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 339.220.305 | 100.780.922 |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước - Phải trả vốn kinh doanh | - | 61.682.188.540 |
| Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam | 71.394.789 | 71.394.789 |
| Tiền thuế thu nhập cá nhân hoàn trả người lao động | 14.600.025 | 110.957.200 |
| Tiền lương giai đoạn cổ phần chưa chi | - | 4.396.858.180 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 167.676.467 | 167.676.467 |
| Cổ tức phải trả | 2.652.149.716 | 2.325.559.916 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Tuấn Võ - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng | - | - |
| Công ty Cổ phần KCC Thăng Long - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng | - | 400.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Hà Đô - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng | - | 1.750.000.000 |
| Công ty TNHH Công nghệ Tin học Ngọc Vĩnh - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng | - | 1.139.519.000 |
| Phải trả tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng | - | 721.800.000 |
| Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn | 150.000.000 | 150.000.000 |
| Tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (*) | 2.886.207.520 | |
| Tiền đặt cọc đầu giá bán xe ô tô | 1.309.200.000 | |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 8.635.008.341 | 4.588.500.585 |
| Cộng | <u>16.456.243.844</u> | <u>77.911.527.330</u> |

(*) Số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất khu đất số 2 – 4 – 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn tạm tính theo số ngày quá hạn nộp dựa trên ngày Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 01/HĐMBN-QLKDN ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Ngày 10 tháng 12 năm 2015, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh có Quyết định số 6739/QĐ-UBND duyệt phương án giá đất theo giá thị trường của khu đất số 2 – 4 – 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Tập đoàn với giá duyệt chuyển nhượng là 560.189.380.000 VND.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 01 năm 2016, Cục thuế TP. Hồ Chí Minh có Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 775/TB-CT, quy định: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông báo, Tập đoàn phải nộp 50% tiền sử dụng đất và trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Thông báo, Tập đoàn phải nộp 50% còn lại, nếu quá ngày phải nộp theo quy định thì Tập đoàn phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế. Nếu như tính chậm nộp theo ngày Thông báo này, Tập đoàn có thể phải đóng số tiền chậm nộp là 19.103.690.071 VND. Tuy nhiên, Tập đoàn đã gửi văn bản số 288/TSVN-KHTH ngày 23 tháng 6 năm 2016 gửi Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh xin điều chỉnh thời hạn nộp tiền sử dụng đất và Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Công văn số 6581/VP-TM ngày 08 tháng 7 năm 2016 truyền đạt ý kiến của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo cho Sở Tài chính phối hợp Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh và các đơn vị có liên quan rà soát, báo cáo và đề xuất trình Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

20b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải trả bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Miền Trung – Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | - | 14.000.000 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 16.946.261.400 | 8.086.403.000 |
| Cộng | 16.946.261.400 | 8.100.403.000 |

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 164.990.308.622 | 97.241.503.687 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công ⁽ⁱ⁾ | 19.135.887.622 | 24.784.073.784 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾ | - | 25.518.739.903 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 64.900.770.000 | 42.429.690.000 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau ^(iv) | 18.062.850.000 | 4.509.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v) | 44.600.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vi) | 17.510.301.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vii) | 780.500.000 | - |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 280.000.000.000 | 45.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 ^(viii) | 280.000.000.000 | - |
| Hội Hữu trí Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu | - | - |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| <i>Thủy sản Việt Nam</i> | - | |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 65.000.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | 245.662.000 |
| Cộng | <u>445.055.308.622</u> | <u>97.532.165.687</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thành Công để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất điều chỉnh hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến thủy sản với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.10 và V.11).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh chế biến, xuất khẩu tôm đông lạnh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 – 4 – 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn vay 11 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1 và V.2).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến tôm xuất khẩu với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu với giá trị là 50 tỷ VND.
- (vii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (viii) Vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 – 4 – 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số cổ phần tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (xem thuyết minh số V.2)

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong kỳ | Giảm khác | Số cuối kỳ |
|---------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|---------------------|----------------------|
| Quỹ phúc lợi hình thành tài sản | 598.714.856 | - | - | (20.109.718) | 578.605.138 |
| Quỹ khen thưởng | 342.184.066 | 2.131.813.783 | (827.789.776) | - | 1.646.208.073 |
| Quỹ phúc lợi | 135.883.109 | 799.321.031 | (445.924.147) | - | 489.279.993 |
| Cộng | 1.076.782.031 | 2.931.134.814 | (1.273.713.923) | (20.109.718) | 2.714.093.204 |

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam | 792.280.000.000 | 792.280.000.000 |
| Các cổ đông khác | 457.720.000.000 | 457.720.000.000 |
| Cộng | 1.250.000.000.000 | 1.250.000.000.000 |

23c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 125.000.000 | 125.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 125.000.000 | 125.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 125.000.000 | 125.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 9.500 | 5.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.500 | 5.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 124.990.500 | 124.995.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 124.990.500 | 124.995.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính. Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Tập đoàn tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Tình hình biến động chênh lệch đánh giá lại tài sản được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

24. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 3.386.662.029 | 3.712.198.387 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 11.311.018.461 | 13.937.928.916 |
| Trên 5 năm | <u>62.388.397.839</u> | <u>61.029.136.851</u> |
| Cộng | <u>77.086.078.329</u> | <u>78.679.264.154</u> |

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2003 đến năm 2063 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 655.355,16 USD (số đầu năm là 816.301,02 USD).

25c. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Nguyên nhân xóa sổ</u> |
|--|-------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | <u>Nguyên tệ</u> | <u>VND</u> | <u>Nguyên tệ</u> | <u>VND</u> | |
| Công ty TNHH Việt Thái Phong | | 929.126.000 | | 929.126.000 | Quá hạn thanh toán |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt | | 47.914.627 | | 47.914.627 | Quá hạn thanh toán |
| Lê Xuân Hòa | | 20.786.500 | | 20.786.500 | Quá hạn thanh toán |
| Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận | | 41.000.000 | | 41.000.000 | Quá hạn thanh toán |
| Lê Thanh Tùng | | 17.677.749 | | 17.677.749 | Quá hạn thanh toán |
| Nguyễn Công Thành | | 8.801.500 | | 8.801.500 | Quá hạn thanh toán |
| Hồ Thị Vân | | 1.000.000 | | 1.000.000 | Quá hạn thanh toán |
| Hải quan TP. Hồ Chí Minh | | 6.231.565 | | 6.231.565 | Quá hạn thanh toán |
| Cộng | | <u>1.072.537.941</u> | | <u>1.072.537.941</u> | |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|----------------------------|--|---------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 382.031.754.488 | 512.616.807.982 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 687.840.069.550 | 685.597.013.046 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | <u>65.241.592.603</u> | <u>43.739.755.842</u> |
| Cộng | <u>1.135.113.416.641</u> | <u>1.241.953.576.870</u> |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Hàng bán bị trả lại | - | 7.034.943.232 |
| Giảm giá hàng bán | 138.089.673 | 24.208.250 |
| Cộng | 138.089.673 | 7.059.151.482 |

3. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 367.355.331.936 | 498.729.818.333 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 656.470.172.794 | 626.203.399.210 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 27.873.138.881 | 13.383.393.914 |
| Cộng | 1.051.698.643.611 | 1.138.316.611.457 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 7.520.095.765 | 9.593.922.240 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 192.140.974 | 178.823.102 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 7.345.916.300 | 42.013.015.200 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.988.200.180 | 1.684.322.434 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 229.555.037 | 3.364.985.124 |
| Cộng | 17.275.908.256 | 56.835.068.100 |

5. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 11.524.648.135 | 9.353.505.744 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 549.720.020 | 5.307.468.301 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư | 984.015.474 | - |
| Chi phí tài chính khác | 64.316.573 | 486.406.139 |
| Cộng | 13.122.700.202 | 15.147.380.184 |

6. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 10.454.206.678 | 5.747.622.463 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 202.876.736 | 383.942.425 |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 152.545.773 | 63.786.681 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 413.721.025 | 291.252.369 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 15.598.420.109 | 21.883.819.668 |
| Các chi phí khác | 6.920.489.222 | 3.818.328.777 |
| Cộng | 33.742.259.543 | 32.188.752.383 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 27.181.208.307 | 27.814.874.810 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 481.432.404 | 1.304.537.689 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 917.301.966 | 1.748.403.360 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.649.334.538 | 1.737.122.871 |
| Thuế, phí và lệ phí | 6.825.612.434 | 8.344.546.575 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi | 2.619.541.947 | (1.420.669.797) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.792.571.339 | 6.166.349.168 |
| Các chi phí khác | 9.430.528.270 | 9.327.942.746 |
| Cộng | 52.897.531.205 | 55.023.107.422 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu thanh lý TSCĐ | 197.727.272 | - |
| Thu bán phế liệu | 80.000.000 | 276.668.181 |
| Thu nhập từ thù lao người đại diện vốn | 983.509.334 | 1.074.818.803 |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | 135.000.000 | 277.068.546 |
| Thu phí vệ sinh, tiền điện | 101.991.510 | - |
| Thu nhập từ dịch vụ trông xe | 104.731.722 | 165.077.329 |
| Các khoản thu nhập khác | 340.871.265 | 858.612.312 |
| Cộng | 1.943.831.103 | 2.652.245.171 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 169.897.757 | 105.439.982 |
| Chi phí người đại diện vốn | 331.355.770 | 820.023.370 |
| Thuế bị truy thu, bị phạt | 2.961.529.087 | 104.400.330 |
| Chi phí khấu hao đất không sử dụng | 43.877.874 | 43.877.874 |
| Chi phí khác | 122.520.222 | 139.214.129 |
| Cộng | 3.629.180.710 | 1.212.955.685 |

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 251.079.384.922 | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (1.077.645.700) | - |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát | (126.733.472) | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 249.875.005.750 | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 124.990.405 | - |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.999 | - |

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Tập đoàn đã nộp tiền vào ngân sách Nhà nước phân lợi nhuận còn lại của giai đoạn trước cổ phần và phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ là 61.383.103.392 VND

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có tiền lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.656.382.773 VND (cùng kỳ năm trước là 2.001.485.818 VND).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--------------------|
| Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga | Công ty liên doanh |
| Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2. Tập đoàn không phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.20.

2. Số liệu so sánh

Thay đổi giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết

Tháng 11 năm 2015 Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco tái cấu trúc vốn nên tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn tăng từ 17,47% lên 22,08% và trở thành công ty liên kết. Năm 2015 Tập đoàn chỉ ghi nhận “Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết” phát sinh tương ứng lợi nhuận sau thuế tháng 11 và tháng 12 của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco.

Năm nay Tập đoàn ghi nhận tăng thêm giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tương ứng tài sản thuần của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco tại thời điểm chuyển đổi thành công ty liên kết. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh như sau:


| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|-------|--------------------------|----------------|------------------------|
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | | | | |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 141 | 781.775.464.567 | 95.749.161.778 | 877.524.626.345 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 123.151.196.178 | 95.749.161.778 | 218.900.357.956 |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2016


Võ Thị Hiền
Người lập biểu


Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Trần Tân Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Điều chỉnh (**) | Giá trị phần sở hữu đầu năm sau điều chỉnh | Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ | Cổ tức lợi nhuận được chia trong kỳ | Trích quỹ | Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp | Giá trị phần sở hữu cuối kỳ |
|---|-----------------------------|-----------------------|--|---------------------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga | 4.994.824.935 | - | 4.994.824.935 | - | - | - | - | 4.994.824.935 |
| Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè | 3.085.163.040 | - | 3.085.163.040 | - | (130.050.000) | - | - | 2.955.113.040 |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 | 10.105.747.739 | - | 10.105.747.739 | 563.018.063 | (554.400.000) | (94.380.004) | - | 10.019.985.798 |
| Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long | 33.538.657.669 | - | 33.538.657.669 | 481.175.804 | (2.081.040.000) | (190.404.559) | - | 31.748.388.914 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long | 7.290.861.090 | - | 7.290.861.090 | 118.007.993 | (234.200.000) | - | - | 7.174.669.083 |
| Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 | 74.962.293.497 | - | 74.962.293.497 | 1.163.797.099 | (2.608.200.000) | - | - | 73.517.890.596 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung | 53.152.385.167 | - | 53.152.385.167 | 5.122.781.903 | (3.494.030.400) | (243.843.266) | (1.592.229.636) | 52.945.063.768 |
| Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (*) | 594.645.531.430 | 95.749.161.778 | 690.394.693.208 | 249.631.284.069 | - | - | - | 940.025.977.277 |
| Cộng | 781.775.464.567 | 95.749.161.778 | 877.524.626.345 | 257.080.064.931 | (9.101.920.400) | (528.627.829) | (1.592.229.636) | 1.123.381.913.411 |

(*) Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ được tạm tính dựa theo số liệu Báo cáo tài chính chưa được phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco.

(**) Điều chỉnh khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý khoản khoản đầu tư và tài sản thuần (lãi do mua rẻ) tại thời điểm chuyển thành công ty liên kết.



Vũ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2016

Đán Tân Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---|---------------------------|-------------------------|---------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước (*) | 1.250.000.000.000 | 167.068.599 | - | 3.496.938.397 | 18.466.141.983 | 52.395.879.004 | 158.349.802.139 | 1.482.875.830.122 |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm trước | - | - | (50.500.000) | - | - | - | - | (50.500.000) |
| Thoái vốn công ty con trong năm trước | - | 28.239.637 | - | (8.250.000.000) | (6.048.993.795) | 8.250.000.000 | (58.031.634.160) | (64.052.388.318) |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | 62.778.811.778 | 10.208.078.270 | 72.986.890.048 |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | - | - | - | (1.829.700.000) | (1.829.700.000) |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | - | - | - | (761.678.772) | (688.157.752) | (1.449.836.524) |
| Xử lý lỗ do hợp tác với Công ty TNHH vận tải biển Tự Thành (Tàu Tự Thành 68) | - | - | - | - | (1.157.237.316) | - | - | (1.157.237.316) |
| Tặng/ Giảm khác | - | - | - | (162.402.157) | - | 488.184.168 | 228.373.543 | 554.155.554 |
| Số dư cuối năm trước | 1.250.000.000.000 | 195.308.236 | (50.500.000) | (4.915.463.760) | 11.259.910.872 | 123.151.196.178 | 108.236.762.040 | 1.487.877.213.566 |
| Số dư đầu năm nay | 1.250.000.000.000 | 195.308.236 | (50.500.000) | (4.915.463.760) | 11.259.910.872 | 123.151.196.178 | 108.236.762.040 | 1.487.877.213.566 |
| Điều chỉnh do thay đổi chính sách kế toán | - | - | - | - | - | 95.749.161.778 | - | 95.749.161.778 |
| Số dư đầu năm nay được trình bày lại trong năm nay | 1.250.000.000.000 | 195.308.236 | (50.500.000) | (4.915.463.760) | 11.259.910.872 | 218.900.357.956 | 108.236.762.040 | 1.583.626.375.344 |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm nay | - | - | (45.450.000) | - | - | - | - | (45.450.000) |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | - | 251.079.384.922 | 3.505.605.954 | 254.584.990.876 |
| Điều chỉnh lợi nhuận năm trước hoạt động liên kết | - | - | - | - | - | (674.510.122) | 674.510.122 | - |
| Chia cổ tức trong kỳ này | - | - | - | - | - | - | (7.185.723.620) | (7.185.723.620) |
| Trích lập các quỹ trong kỳ | - | - | - | - | 1.762.594.551 | (3.476.130.157) | (1.217.599.209) | (2.931.134.815) |
| Điều chỉnh giảm lãi liên kết do trích quỹ | - | - | - | - | - | (2.120.857.465) | - | (2.120.857.465) |
| Chi thù lao | - | - | - | - | - | (253.466.944) | (216.982.780) | (470.449.724) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | (119.348.482) | (133.486.658) | (252.835.140) |
| Số dư cuối kỳ | 1.250.000.000.000 | 195.308.236 | (95.950.000) | (4.915.463.760) | 13.022.505.423 | 463.335.429.708 | 103.663.085.849 | 1.825.204.915.456 |

(*) Số dư đầu năm trước là số nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang tại ngày 17 tháng 4 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2016



Võ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc